

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HN&GD-ST

Ngày 11 - 7 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Khánh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám

Bà Dương Thị Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2024/TLST- **HNGĐ** ngày 28 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: **Số nhà A T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**

Nơi ở hiện nay: **Số P, nhà A D Chung cư Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1979

Địa chỉ: **Số nhà A T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.**

Tại phiên tòa có mặt chị **T**, vắng mặt anh **T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, bản tự khai ngày 09/4/2024, lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn chị Hoàng Thị T thể hiện như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường B, Tp T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đến đầu tháng 4 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không quan tâm, chăm lo gia đình, vợ con, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Do mâu thuẫn căng thẳng, không thể hàn gắn nên chị T đã chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2023 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống của riêng mình. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T2 – sinh ngày 15/04/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Tường L – sinh ngày 15/03/2018. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày quan điểm như sau:*

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND phường B, Tp T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và sinh được 2 con. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn

Về con chung: Anh T3 và chị T có 02 con chung là cháu là cháu Nguyễn Mạnh T2 – sinh ngày 15/04/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Tường L – sinh ngày 15/03/2018. Nếu vợ chồng không ở với nhau, anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Mạnh T2, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Anh T3 và chị T là vợ chồng có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012. Quá trình chung sống thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn nhưng cụ thể như thế nào thì địa phương không biết vì không được báo cáo và tham gia hòa giải. Hiện nay chị T không còn cư trú tại địa chỉ A T, phường Đ, Tp . Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Mạnh T2 – sinh ngày 15/04/2013 và chá Nguyễn Ngọc Tường L – sinh ngày 15/03/2018. Về tài sản, công nợ chung: khu phố không biết chị T và anh T3 có tài sản công nợ gì. Nay chị

T, anh T3 làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Chị T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Về hôn nhân chị đề nghị được giải quyết ly hôn cho chị và anh T3. Về con chung: Nguyễn vọng của chị muốn nuôi cả hai cháu. Nhưng cháu T2 muốn ở với bố nên đề nghị giao cháu T2 cho anh T3 trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L còn nhỏ nên chị đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T3 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Quan điểm của Đại diện VKS tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo hướng: Xử cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Anh T4. Giao cháu Nguyễn Mạnh T2 cho anh T4 và giao cháu Nguyễn Ngọc Tường L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị T5 đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Anh T4 và xin được nuôi cả hai con, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - anh T4 có địa chỉ tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T1 lần thứ hai nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Chị T đề nghị Tòa án tiến hành xét xử theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt anh T1 là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị T6 anh Nguyễn Anh T4 kết hôn với nhau cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Tp T, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo anh T4 trình bày: vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên chị T cho rằng do anh T4 không quan tâm, chăm lo gia đình, vợ con; không chí thú làm ăn, làm ảnh hưởng

đến kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn căng thẳng, không thể hàn gắn nên chị đã chuyển đi nơi khác sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 12/2023 đến nay. Chị **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin được ly hôn.

Xét mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **T4** đã đến mức trầm trọng, anh chị đã ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được, sau buổi hòa giải đầu tiên, anh **T4** đã vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay, điều đó chứng tỏ anh **T4** có ý thức bỏ mặc, không có thiện chí để hòa giải, đoàn tụ vợ chồng. Do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó có thể cải thiện được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật HN&GD xử cho chị **T** được ly hôn anh **T4** là phù hợp pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu: cháu **Nguyễn Mạnh T2** – sinh ngày 15/04/2013 và cháu **Nguyễn Ngọc Tường L** – sinh ngày 15/03/2018.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về điều kiện, cả anh **T4** và chị **T** đều có điều kiện đảm bảo việc nuôi dạy con chung. Tham khảo ý kiến của cháu **Mạnh T2**, cháu muốn ở cùng với anh **T4**. Bản thân cháu **T2** là cháu trai và cháu **L** là con gái nên giao cháu **T2** cho anh **T4** giao cháu **L** cho chị **T** là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: do anh **T4** và chị **T** mỗi người nuôi một con và không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị **T** và anh **T4** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị **T** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, **Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83** của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị T**

- Về hôn nhân: Cho chị **Hoàng Thị T** ly hôn với anh **Nguyễn Anh T4**.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh T2 – sinh ngày 15/04/2013 cho anh T4 và cháu Nguyễn Ngọc Tường L – sinh ngày 15/03/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai anh chị có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và công nợ chung; Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: 0001365 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

PHIÊN TÒA

- VKSND tp. Thanh Hóa;

- Chi cục THADS tp. Thanh Hóa;

- Các đương sự;

- UBND phường Ba Đình;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Ninh Thị Khánh Tân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 45 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2024

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Khánh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám

Bà Dương Thị Phương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 203/2024/TLST- **DS** ngày 28 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị Thanh**, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 126B Trịnh Khả, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Số phòng 305, nhà 18 D1 Chung cư Đông Phát, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn Tuấn**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 126B Trịnh Khả, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Thanh, vắng mặt anh Tuấn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51, **Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83** của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

2. Về nội dung:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thanh

- Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị Thanh ly hôn với anh Nguyễn Anh Tuấn .
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mạnh Tường – sinh ngày 15/04/2013 cho anh Tuấn và cháu Nguyễn Ngọc Tường Lam – sinh ngày 15/03/2018 cho chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai anh chị có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và công nợ chung; Chị Thanh không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

3. Về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số: 0001365 ngày 27/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chị Thanh đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN THẢO LUẬN

Vào hồi 09 giờ 20 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Khánh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Việt Cường

Bà Mai Thị Tiếp

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự thụ lý số: 203/2024/TLST- **DS** ngày 28 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 126B Trịnh Khả, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Số phòng 305, nhà 18 D1 Chung cư Đông Phát, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1979

Địa chỉ: Số nhà 126B Trịnh Khả, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Thanh, vắng mặt anh Tuấn lần thứ nhất không có lý do.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về Điều luật áp dụng: Căn cứ Khoản 1 Điều 227, 233, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100% ý kiến thống nhất

2. Các vấn đề được thảo luận và nhất trí như sau:

- Hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: : 203/2024/TLST- **DS** ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Thời gian mở lại phiên tòa xét xử vụ án vào hồi 13 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2024.

Địa điểm : Tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa – tỉnh Thanh Hóa

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100% ý kiến thống nhất

Việc thảo luận kết thúc vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Việt Cường Mai Thị Tiếp Ninh Thị Khánh Tân

